

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦU NGANG  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST**

**Ngày 13/6/2022.**

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lý Thanh Lâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Đáng.

Ông Lê Văn Được.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Đây, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn An– Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22/3/2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-HN, ngày 27/5/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Đa N, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

*Bị đơn:* Anh Thạch N, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Thạch Thị Đa N trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh N xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/11/2007 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, chị và anh N do mai mối, rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán, nữ trang ngày cưới không có tặng cho. Sau ngày cưới, anh N ở rể, vợ chồng sống đến năm 2010 thì phát sinh

mâu thuẫn, mỗi lần anh N uống rượu đi về nhà thì kiếm chuyện gây gổ, cãi vã đánh đập nhau, anh N hay ghen tuông chửi bới xúc phạm chị rất nhiều lần, sự việc diễn ra trong thời gian dài, nhưng không khắc phục được, sau đó vợ chồng đi làm nghề hồ ở Vũng Tàu, đi làm được 02 tháng thì anh tiếp tục đánh đập chị bị thương, cha mẹ phải đi lên rước chị về nhà rồi ly thân nhau từ tháng 03 năm 2010 đến nay hơn 12 năm, không liên lạc, không gặp nhau nên tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thạch N.

- *Về nuôi con tên:* Thạch Đa N, sinh ngày 09/3/2008, đang sống với chị. Chị xin được quyền nuôi dưỡng con khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị không tranh chấp, không khởi kiện.

Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Thạch N vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

*Tại bản khai trong quá trình giải quyết vụ án Thạch Đa N, sinh ngày 09/3/2008 trình bày:* Trường hợp cha mẹ ly hôn, nguyện vọng của con xin được sống với mẹ.

*Lời phát biểu của Kiểm sát viên.*

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh N, giao con tên Thạch Đa N, sinh ngày 09/3/2008 cho chị N được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Buộc chị N nộp 300.000 đồng án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Thạch N là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa lần thứ nhất, anh N vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị Thạch Thị Đa N làm đơn khởi kiện anh Thạch N yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh N, chị xin

được quyền nuôi dưỡng con khi ly hôn, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị Thạch Thị Đa N và anh Thạch N xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/11/2007 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

*Chị Thạch Thị Đa N khai*: Sau ngày cưới, anh N ở rể, vợ chồng sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, mỗi lần anh N uống rượu đi về nhà thì kiếm chuyện gây gổ, cãi vã đánh nhau, anh N ghen tuông chửi bới xúc phạm chị rất nhiều lần, sự việc diễn ra trong thời gian dài, nhưng không khắc phục được, sau đó vợ chồng đi làm nghề hồ ở Vũng Tàu, đi làm được 02 tháng thì anh N tiếp tục đánh đập chị bị thương, cha mẹ phải đi lên rước chị về nhà, vợ chồng ly thân nhau từ tháng 03 năm 2010 đến nay hơn 12 năm, không liên lạc, không gặp nhau nên tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Đối với anh Thạch N, Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh N nhận để anh tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải anh N đều vắng mặt không lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được, hôm nay tại phiên tòa lần thứ nhất, anh N tiếp tục vắng mặt, tại bản tự khai đề ngày 31/5/2022 anh N đồng ý ly hôn với chị N, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh N xảy ra từ tháng 03 năm 2010 đến nay anh chị đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, đã ly thân hơn 12 năm, vợ chồng không gặp nhau, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và chị N cương quyết xin ly hôn không chung sống với anh N, từ đó làm cho mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh N là đúng quy định pháp luật.

- *Về nuôi con*: Xét thấy anh N, chị N chung sống sinh 01 người con tên Thạch Đa N, sinh ngày 09/3/2008 (*có nguyện vọng được sống với mẹ*). Tại bản tự khai đề ngày 31/5/2022 anh N đồng ý giao con cho chị N được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn. Xét thấy trong thời gian ly thân hơn 12 năm, cháu N sống với chị N và được chị N nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo về mọi mặt, trong quá trình giải quyết vụ án chị N xin được quyền nuôi dưỡng con khi ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của cháu N là xin được sống với mẹ. Để tạo điều kiện cho cháu N có cuộc sống ổn định nhằm phát triển về thể chất và tinh thần. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân

và gia đình, Hội đồng xét xử giao con tên Thạch Đa N, sinh ngày 09/3/2008 cho chị N được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Quá trình giải quyết vụ án chị N và anh N không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân: Buộc chị Thạch Thị Đa N nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thạch Thị Đa N.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Thạch Thị Đa N được ly hôn với anh Thạch N.

- *Về nuôi con:*

+ Chị Thạch Thị Đa N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Thạch Đa N, sinh ngày 09/3/2008, khi ly hôn.

+ Anh Thạch N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc chị Thạch Thị Đa N nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008291, ngày 22/3/2022 cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Thạch Thị Đa N đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Chị Thạch Thị Đa N có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Anh Thạch N vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày anh nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lý Thanh Lâm**